

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2018/HS-ST**

Ngày: 07 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH ĐỒNG THÁP

- *T^Hnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Quan Nam**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Vạn Thế**;

Bà **Chung Thị Thu Nguyệt**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Đình Duẩn**, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Lý Khoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Nam H**, sinh năm 1982; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại: Số 34, ấp A, xã A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; quốc tịch: Việt nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không có; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 5/12; cha tên: Lê Quang H; mẹ tên: Lê Thị X; vợ tên: Lê Thị Cẩm H và có 01 con sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: Không có; đầu thú và bị tạm giữ ngày: 10/11/2017; Tạm giam ngày: 13/11/2017; Cho bảo lãnh ngày: 11/12/2017; Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

1. **Quách Thị Q**, sinh năm 1955; *Trú tại:* Số 17, khóm H, phường A, t^Hnh phố S, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

2. **Thạch Hoàng M**, sinh năm 1968; *Trú tại:* Số 439/5, Khóm 2, Phường 1, t^Hnh phố S, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. **Kiều Văn N**, sinh năm 1970; *HKTT:* 106 ấp P, xã A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; Đang chấp Hnh án phạt tù tại Trại giam C đóng tại xã T, huyện C, Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

2. **Nguyễn Ngọc N1**, sinh năm 1960; *Trú tại:* Ấp D, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; công tác tại: P2, t^Hnh phố S, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

3. **Trần Văn L**, sinh năm 1969; *Trú tại:* Ấp A, xã A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

4. **Lê Quang H**, sinh năm 1948; *Trú tại*: 34 ấp A, xã A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt tại phiên tòa.

5. **Lê Thị Thúy A**, sinh năm 1980; *Trú tại*: Ấp A, xã A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Nam H khai vào ngày 02/11/2013, biết Kiều Văn N nhận làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, nên Lê Nam H điện thoại nhờ Nơ làm cho H một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 15.000.000đ để H mang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đi thế chấp nhằm chiếm đoạt tiền của người khác, thì Nơ đồng ý.

Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do Lê Nam H đứng tên quyền sử dụng đất số bìa BP 730066, số vào sổ CH 05687, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 13, diện tích 875m² do ông Hồ Thanh D, chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ký ngày 12/9/2013, thì H điện thoại hỏi chị Thạch Hoàng M, trú tại Khóm 2, Phường 1, tHnh phố S, tỉnh Đồng Tháp gợi ý thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên để vay 70.000.000đ. Chị Mai rủ bà Quách Thị Q hùn tiền mỗi người 35.000.000đ cho H vay. Để tạo lòng tin, H dẫn bà Q và chị Mai đến xem đất nền nH của ông Lê Quang H (cha ruột của H) tại ấp A, xã A, huyện V, tỉnh Đồng Tháp. Nghĩ đây là đất của H, nên chị Mai và bà Q đồng ý nhận thế chấp.

Đến ngày 04/11/2013, bà Q và H đến Phòng Công chứng số 2, tỉnh Đồng Tháp để làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (chị Mai không tham gia ký hợp đồng, vì chị Mai giao quyền quyết định cho bà Q). H và bà Q thỏa thuận nếu quá 02 tháng H không trả 70.000.000đ cho bà Q và đóng lãi suất 06%/tháng đúng hạn, thì sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ H sang bà Q.

Khi làm hợp đồng xong, bà Q đưa cho H 70.000.000đ, H đưa cho bà Q 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BP 730066, số vào sổ CH 05687, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 13, diện tích 875m². Sau đó, H không trả nợ cho bà Q và bỏ trốn khỏi địa phương, nên bà Q đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện V làm thủ tục chuyển nhượng sang tên cho bà Q thì phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó là giả, nên làm đơn tố giác Hình vi của H đến Công an huyện V.

Cơ quan điều tra đã thu giữ của: Quách Thị Q 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do Lê Nam H đứng tên, số bìa BP 730066, số vào sổ CH 05687, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 13, diện tích 875m² do ông Hồ Thanh D, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ký ngày 12/9/2013.

Kết luận giám định số: 292/KL-KTHS ngày 7/7/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BP 730066, số vào sổ CH 05687 cấp cho Lê Nam H là giấy giả.

Đến ngày 10/11/2017 H đến Phòng cảnh sát truy nã tội phạm Công an tỉnh Đồng Tháp đầu thú, thừa nhận toàn bộ Hnh vi của mình và đã trả lại cho bà Quách Thị Q 70.000.000đ.

Quá trình điều tra, Lê Nam H khai nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có được là do thuê Kiều Văn N làm, nhưng Nơ không thừa nhận, nên không đủ chứng cứ chứng minh Nơ có Hnh vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Tại bản Cáo trạng số: 36/CT-VKS ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp, đã quyết định truy tố Lê Nam H ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp để xét xử về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm e khoản 2 Điều 139 và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, nên không đặt ra để giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên khẳng định việc truy tố trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, Lê Nam H đã có Hnh vi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nhằm mục đích lừa dối mang đi thế chấp vay tiền của người khác. Khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, thì H đã dùng Hnh vi gian dối dẫn chị Thạch Hoàng M và bà Quách Thị Q đến xem đất của ông Lê Quang H là cha ruột của H nhằm mục đích làm cho chị bà Q và chị Mai tin tưởng H có đất thật, nên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để H chiếm đoạt 70.000.000đ của chị Mai và bà Q. Hnh vi của bị cáo Lê Nam H đã xâm phạm đến hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan NH nước trong lĩnh vực quản lý Hnh chính NH nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của chị Mai và bà Q, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương.

Trên cơ sở phân tích tính chất nguy hiểm do Hnh vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến tội phạm, nhân thân của bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lê Nam H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự, đồng thời áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật hình sự xử phạt Lê Nam H từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Hình phạt chung của hai tội bị cáo Lê Nam H phải là từ 02 năm đến 02 năm 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong, chị Mai và bà Q không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên đề nghị không giải quyết.

Đối với 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do Lê Nam H đứng tên, số bìa BP 730066, số vào sổ CH 05687, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 13, diện tích 875m² do ông Hồ Thanh D, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ký ngày 12/9/2013 cơ quan điều tra đã thu giữ của bà Quách Thị Q, đây là vật chứng của vụ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu để lưu vào hồ sơ của vụ án.

Đối với việc bị cáo Lê Nam H khai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có được là do thuê Kiều Văn N làm, nhưng Kiều Văn N không thừa nhận, nên không đủ chứng cứ chứng minh Kiều Văn N có Hnh vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

- Bị cáo Lê Nam H đồng ý xét xử vắng mặt đối với người bị hại Quách Thị Q, Thạch Hoàng M và tất cả những người làm chứng trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời thừa nhận toàn bộ Hnh vi của bị cáo đúng như nội dung vụ án như đã nêu ở trên và tại phần tranh luận bị cáo cũng không phát biểu tranh luận gì với Kiểm sát viên, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bị hại Quách Thị Q, Thạch Hoàng M vắng mặt tại phiên tòa, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, đồng thời tất cả những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa trừ người làm chứng Lê Thị Thúy A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về Hnh vi, quyết định của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng. Do đó, các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến Hnh tố tụng, người tiến Hnh tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, bị cáo Lê Nam H thừa nhận toàn bộ Hnh vi của bị cáo đúng như nội dung Cáo trạng và nội dung vụ án như đã nêu ở trên.

Lời nhận tội của bị cáo H phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, cùng các chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án và tại phần tranh luận bị cáo H cũng không phát biểu tranh luận gì với Kiểm sát viên, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo thực hiện Hnh vi phạm tội với lỗi cố ý; đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đủ thể lực và trí lực nhận biết được Hnh vi của mình là vi phạm pháp luật; theo kết luận giám định số 292/KL-KTHS ngày 07/7/2015 và lời thừa nhận của bị cáo Lê Nam H thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BP 730066, sổ vào sổ CH 05687 cấp cho Lê Nam H là giấy giả; khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối là dẫn người bị hại đến xem đất của cha ruột bị cáo để cho người bị hại tin là thật để chiếm đoạt của người bị hại 70.000.000đ là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999. Do đó, đã đủ căn cứ kết luận Hnh vi của bị cáo Lê Nam H đã có đầy đủ các yếu tố cấu tHnh tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại

điểm e khoản 2 Điều 139 và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3]. Hình vi phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của bị cáo Lê Nam H xảy ra trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. So sánh đối chiếu Bộ luật hình sự năm 1999 với Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, thì khung hình phạt tù đối với tội này của hai Bộ luật là ngang nhau, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo.

Tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm Hình chính về Hình vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ...;

b) ...;

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”.

[4]. Hình vi phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” của bị cáo Lê Nam H cũng xảy ra trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. So sánh đối chiếu Bộ luật hình sự năm 1999 với Bộ luật hình sự năm 2015 đối với tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, thì khung hình phạt tù đối với tội này của Bộ luật hình sự năm 2015 là có lợi cho bị cáo, do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo.

Tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện Hình vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.”.

[5]. Hình vi phạm tội của bị cáo Lê Nam H đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là nghiêm trọng, đối với tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” là ít nghiêm trọng; làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, xâm phạm đến tài sản của người bị hại một cách trái phép; xâm phạm đến hoạt động bình

thường, uy tín của cơ quan nH nước trong lĩnh vực quản lý Hnh chính của nH nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Tài sản của công dân là khách thể được luật hình sự bảo vệ, nghiêm cấm mọi Hnh vi trái phép xâm phạm đến, nhưng chỉ vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài mà không phải bỏ ra công sức lao động hợp pháp, nên bị cáo đã là giấy tờ giả, rồi dùng thủ đoạn gian dối làm cho người bị hại tin tưởng để chiếm đoạt của người bị hại số tiền 70.000.000đ. Hnh động và việc làm của bị cáo H bị pháp luật nghiêm cấm, xã hội lên án, sau khi chiếm đoạt được tiền thì bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử công khai như ngày hôm nay là cần thiết, thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời nhằm mục đích giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng mức hình phạt thích đáng, tương xứng với Hnh vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo tHnh công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

Tuy nhiên, bị cáo đã ra đầu thú; bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại xong; quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại tòa bị cáo thật tH khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", do đó Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định đối với bị cáo.

[6] Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Lê Nam H là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 và khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo Lê Nam H mức án tương xứng với tính chất, mức độ do Hnh vi phạm tội của bị cáo đã gây ra để cải tạo, giáo dục bị cáo và nhằm mục đích phòng ngừa chung trong xã hội.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bà Q và chị Mai xong, chị Mai và bà Q không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8]. Đối với 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do Lê Nam H đứng tên, số bìa BP 730066, số vào sổ CH 05687, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 13, diện tích 875m² do ông Hồ Thanh D, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ký ngày 12/9/2013 do cơ quan điều tra đã thu giữ của bà Quách Thị Q, đây là vật chứng của vụ án, nên tịch thu để lưu vào hồ sơ của vụ án.

[9]. Đối với việc bị cáo Lê Nam H khai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả có được là do thuê Kiều Văn N làm, nhưng Kiều Văn N không thừa nhận, nên không đủ chứng cứ chứng minh Kiều Văn N có Hnh vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

[10]. Bị cáo Lê Nam H bị kết tội, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11]. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Nam H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

2. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; khoản 1 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật hình sự;

- Xử phạt: Bị cáo Lê Nam H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 09 (Chín) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Hình phạt chung của hai tội bị cáo Lê Nam H phải chấp Hnh là 02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp Hnh hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Lê Nam H đi chấp Hnh hình phạt tù, được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/11/2017 đến ngày 11/12/2017.

3. Về vật chứng: Tịch thu của bà Quách Thị Q 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do Lê Nam H đứng tên, số bìa BP 730066, số vào sổ CH 05687, thửa đất số 28, tờ bản đồ số 13, diện tích 875m² do ông Hồ Thanh D, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V ký ngày 12/9/2013 để lưu vào hồ sơ của vụ án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Lê Nam H phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Nam H có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án này hoặc bản án này được tổng đạt theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 của Luật thi Hnh án dân sự, thì người được thi Hnh án dân sự, người phải thi Hnh án dân sự có quyền thoả thuận thi Hnh án, quyền yêu cầu thi Hnh án, tự nguyện thi Hnh án hoặc bị cưỡng chế thi Hnh án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi

Hình án dân sự; Thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện V;
- Công an huyện V;
- CC THADS huyện V;
- Sở Tư pháp Đồng Tháp;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu: HSVA, VPTA (Dụần).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Lê Quan Nam